

DA COM

BẢN SAO

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG
BẮC GIANG**

*Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018*

CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH CHÂU Á
CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN TƯ VẤN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG
BẮC GIANG

*Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018*



MỤC LỤC

Trang

BÁO CÁO CỦA BAN (TỔNG) GIÁM ĐỐC

1 - 3

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

4 - 5

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Bảng Cân đối kế toán

6 - 7

Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh

8

Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ

9

Thuyết minh Báo cáo tài chính

10 - 24

Đ. X. M. S. D.

CÔNG TY CP XÂY DỰNG GIAO THÔNG BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 171, đường Xương Giang, phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Bắc Giang (sau đây gọi là “Công ty”) trình bày Báo cáo này và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Bắc Giang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 2400291068 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp ngày 14 tháng 02 năm 2003.

Trong quá trình hoạt động, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh được sửa đổi lần thứ 5 ngày 9 tháng 01 năm 2015.

Theo Giấy chứng nhận đầu tư, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Xây dựng các loại;
- Xây dựng các công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng các công trình công ích;
- Xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Chuẩn bị mặt bằng
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Bán phụ tùng và các bộ phận của xe ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn nguyên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ gỗ, kim, sơn và các thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Kiểm tra và phân loại kỹ thuật;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khai máy xây dựng;

Vốn điều lệ của công ty theo Đăng ký kinh doanh mới nhất là: 2.738.500.000 đồng (Hai tỷ bảy trăm ba mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng chẵn)

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại số 171, Đường Xương Giang, Phường Ngô Quyền, TP Bắc Giang.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ CỔ TỨC

Lãi/lỗ trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại trang 7.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY LẬP BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày lập Bảng cân đối kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc trong năm và đến ngày lập Báo cáo này như sau:

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Hội đồng quản trị

Ông: Nghiêm Xuân Tranh	Chủ tịch hội đồng quản trị
Ông: Nguyễn Ngọc Lâm	Phó chủ tịch HĐQT
Ông: Phạm Quang Long	Thành viên
Ông: Nguyễn Hữu Dũng	Thành viên
Bà: Nguyễn Thị Oanh	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông: Nghiêm Xuân Tranh	Giám đốc
Ông: Nguyễn Ngọc Lâm	Phó Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tài chính Châu Á (FADACOM) kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018 và bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty các năm sau.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình chuẩn bị Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc có trách nhiệm:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp cho rằng Công ty sẽ không thể tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi đã phê duyệt Báo cáo tài chính kèm theo. Báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định có liên quan.

CÔNG TY CP XÂY DỰNG GIAO THÔNG BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 171, đường Xương Giang, phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Thay mặt Ban Giám đốc



Ông **Nghiêm Xuân Tranh**
Giám đốc

Bắc Giang, ngày 05 tháng 6 năm 2019

CHỨNG THỰC

BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

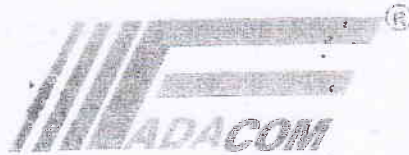
08-10-2019

SỐ CT: 13108. SỐ: 08 SCT-BS



CHỦ TỊCH
Nguyễn Hải Yến

05/06/2019
C
CH
T
T
C
/



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH CHÂU Á

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN TƯ VẤN TÀI CHÍNH VÀ ĐỊNH GIÁ

Trụ sở: Phòng 802, Tòa nhà CT2B Lê Đức Thọ,
Mỹ Đình II, Nam Từ Liêm, Hà Nội

Email: audit@fadacom.vn

Website: www.fadacom.vn

Tel: (84-24) 3787 2182 * Fax: (84-24) 3787 2183

Số:/2019/BCTC/FADACOM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng quản trị
Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Bắc Giang**

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tài chính Châu Á (FADACOM), đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Bắc Giang (sau đây gọi là “Công ty”), được lập ngày 05/6/2019, từ trang 7 đến trang 25 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu (nếu có), Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Công ty đang ghi nhận giá vốn của hợp đồng xây dựng theo giá ước tính với số tiền là 29.296.054.960 VND mà không theo dõi, ghi nhận giá vốn theo từng hợp đồng xây dựng. Do đó chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính hợp lý của các chính sách ghi nhận giá vốn cũng như ảnh hưởng của chúng tới các khoản mục trên Báo cáo tài chính năm 2018 của công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Bắc Giang tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Lưu ý kiểm toán

Công ty đang ghi nhận điều chỉnh vốn góp của các cổ đông theo công văn số 86/UBND-KT của UBND tỉnh Bắc Giang ban hành ngày 26 tháng 4 năm 2019 về việc thay đổi vốn điều lệ của công ty và tỷ lệ phần vốn góp của Cổ đông Nhà nước

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH CHÂU Á



GIÁP ĐĂNG KHOA

Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:

1423-226-2018-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 05 tháng 6 năm 2019

PHẠM ANH TUẤN

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:

4088-226-2017-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	31/12/2017
1	2	3	4	5
A. Tài sản ngắn hạn	100		53.132.419.790	66.700.211.730
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		4.875.662.083	1.269.648.414
1. Tiền	111	V. 1	4.875.662.083	1.269.648.414
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		21.553.834.416	42.678.112.332
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V. 2	19.846.126.481	37.395.361.775
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		395.807.947	44.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V. 3	1.362.083.126	5.288.933.695
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(50.183.138)	(50.183.138)
IV. Hàng tồn kho	140	V. 4	26.702.923.291	22.752.450.984
1. Hàng tồn kho	141		26.702.923.291	22.752.450.984
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	-
B. Tài sản dài hạn	200		5.699.458.810	6.495.859.705
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220	V. 5	5.699.458.810	6.495.859.705
1. Tài sản cố định hữu hình	221		5.699.458.810	6.495.859.705
- Nguyên giá	222		11.914.748.887	11.914.748.887
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.215.290.077)	(5.418.889.182)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		58.831.878.600	73.196.071.435

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	31/12/2017
1	2	3	4	5
C. Nợ phải trả	300		54.582.239.556	67.669.589.291
I. Nợ ngắn hạn	310		51.887.304.356	66.508.008.169
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V. 6	9.538.915.958	20.334.926.647
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V. 7	50.918.215	1.050.918.213
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V. 8	1.918.857.798	1.897.720.822
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		3.064.015.944	6.875.883.501
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V. 9	37.314.596.441	36.348.385.884
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	173.102
II. Nợ dài hạn	330		2.694.935.200	1.161.581.122
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	561.581.122
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		2.694.935.200	600.000.000
D. Vốn chủ sở hữu	400		4.249.639.044	5.526.482.144
I. Vốn chủ sở hữu	410	V. 10	4.249.639.044	5.526.482.144
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		3.460.270.000	4.760.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		3.460.270.000	4.760.000.000
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		743.867.675	743.867.675
5. Cổ phiếu quỹ	415		(47.500.000)	(51.500.000)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		51.820.200	34.855.900
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		41.181.169	39.258.569
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	-
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		58.831.878.600	73.196.071.435

Nguyễn Thị Thùy Linh
Người lập biểu

Nguyễn Thị Thùy Linh
Phụ trách kế toán



Nghiêm Xuân Tranh
Giám đốc

Ngày 05 tháng 6 năm 2019

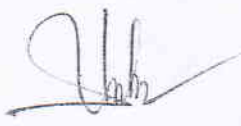
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		36.773.797.323	50.242.600.701
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI. 1.	36.773.797.323	50.242.600.701
4. Giá vốn hàng bán	11	VI. 2	29.261.672.360	42.646.607.456
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		7.512.124.963	7.595.993.245
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI. 3	922.098	3.352.209
7. Chi phí tài chính	22	VI. 4	3.260.388.150	2.822.535.594
+ Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.260.388.150	2.822.535.594
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI. 5	3.999.712.856	4.308.574.180
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		252.946.055	468.235.680
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32	VI. 6	91.474.049	119.788.920
13. Lợi nhuận khác	40		(91.474.049)	(119.788.920)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		161.472.006	348.446.760
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI. 7	48.376.574	88.573.940
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		113.095.432	259.872.820
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		3.314	5.519



Nguyễn Thị Thùy Linh
Người lập biểu



Nguyễn Thị Thùy Linh
Phụ trách kế toán



Nghiêm Xuân Tranh
Giám đốc

Ngày 05 tháng 6 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(theo phương pháp trực tiếp)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		56.417.846.812	33.099.226.111
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(15.709.997.281)	(20.497.284.302)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(2.581.589.400)	(12.795.686.046)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(1.998.503.050)	(1.713.175.594)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(144.812.008)	
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		52.109.871	479.684.800
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(8.882.447.499)	(4.909.629.824)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		27.152.607.445	(6.336.864.855)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	3.352.209
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		-	3.352.209
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	522.000.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(21.500.000)
3. Tiền thu từ đi vay	33		23.564.700.000	24.120.700.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(47.111.293.776)	(33.704.465.760)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(183.320.850)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(23.546.593.776)	(9.266.586.610)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		3.606.013.669	(15.600.099.256)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		1.269.648.414	16.869.747.670
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		4.875.662.083	1.269.648.414


Nguyễn Thị Thùy Linh
 Người lập biểu


Nguyễn Thị Thùy Linh
 Phụ trách kế toán


Nghiêm Xuân Tranh
 Giám đốc

Ngày 05 tháng 6 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Bắc Giang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 2400291068 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp ngày 14 tháng 02 năm 2003.

Trong quá trình hoạt động, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh được sửa đổi lần thứ 5 ngày 09 tháng 01 năm 2015.

Theo Giấy chứng nhận đầu tư, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Xây dựng các loại;
- Xây dựng các công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng các công trình công ích;
- Xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Chuẩn bị mặt bằng
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Bán phụ tùng và các bộ phận của xe ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn nguyên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ gỗ, kim, sơn và các thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Kiểm tra và phân loại kỹ thuật;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khai máy xây dựng;

Vốn điều lệ của công ty theo Đăng ký kinh doanh mới nhất là: 2.738.500.000 đồng (Hai tỷ bảy trăm ba mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng chẵn)

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại số 171, Đường Xương Giang, Phường Ngô Quyền, TP Bắc Giang.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng đồng Việt Nam (VND)/đôla Mỹ (USD), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Trong năm tài chính 2018, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC - Hướng dẫn chế độ Kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC sửa đổi bổ sung Thông tư 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 21/3/2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Báo cáo tài chính kèm theo được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán, thủ tục kế toán và các thông lệ Báo cáo được chấp nhận rộng rãi tại Việt Nam. Vì vậy, việc sử dụng Báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin, thủ tục và nguyên tắc kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG***Tiền và các khoản tương đương tiền***

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho, với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa	-	giá vốn thực tế theo phương pháp đích danh
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp, chi phí sản xuất chung phân bổ.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) dựa trên bằng chứng thích hợp về sự giảm giá trị vào thời điểm lập Báo cáo tài chính. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

sửa chữa, bảo dưỡng, đại tu được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự kiến thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn cho phép ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản làm tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 12 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5 năm

Chi phí trả trước

Chi phí chờ phân bổ bao gồm các chi phí được trình bày ở khoản mục chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh với thời gian tối đa không quá 3 năm. Bao gồm:

- Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ;
- Chi phí thành lập doanh nghiệp;
- Chi phí đào tạo nhân viên;
- Công cụ dụng cụ xuất dụng với giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh quá lớn;
- Chi phí đi vay trả trước về lãi tiền vay hoặc lãi trái phiếu ngay khi phát hành
-

Chi phí phải trả và trích trước

Chi phí phải trả là các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo. Các khoản chi phí này được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ

Các khoản phải trả chưa phát sinh do chưa nhận hàng hóa, dịch vụ nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh kỳ này để đảm bảo khi phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh được phản ánh là dự phòng phải trả.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản dở dang được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ hoạt động đầu tư tạm thời của các khoản vốn vay trong khi chờ được sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải được ghi giảm trừ vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hóa/ được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Dự phòng phải trả

Một khoản dự phòng phải trả được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ đã xảy ra, doanh nghiệp có nghĩa vụ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới), được đưa ra một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó, và chắc chắn về sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu thanh toán nghĩa vụ nợ.

Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam. Cổ tức được công bố từ phần lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ góp vốn của từng bên quy định trong Giấy phép Đầu tư.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số tiền dư gốc và lãi suất áp dụng.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản cổ tức của Công ty được xác lập.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm bằng cách so sánh tỷ lệ của chi phí của hợp đồng phát sinh cho phần công việc đã được hoàn thành đến ngày này so với tổng chi phí hợp đồng, trừ phi tỷ lệ này không đại diện cho mức độ hoàn thành. Các khoản tăng giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Thuế**Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

V.1 TIỀN

	31/12/2018	31/12/2017
Tiền mặt	635.437.179	1.199.423.166
Tiền gửi ngân hàng	4.240.224.904	70.225.248
Cộng	4.875.662.083	1.269.648.414

V.2 PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2018	31/12/2017
Phải thu khách hàng ngắn hạn	19.846.126.481	37.395.361.775
- Công trình An Khánh	1.867.877.000	-
- CT Gói thầu số 14 Cải tạo, nâng cấp ĐT 295B đoạn từ Km5+400-Km7+242	2.376.230.170	8.876.230.170
- Công trình hạ tầng KĐT mới thị trấn Vôi, huyện Lạng Giang	2.255.800.000	2.035.224.200
- Công trình cải tạo nâng cấp đường từ ngã tư Đồi Ngô (QL31), thôn Hà Phú, xã Tạm Dị	2.026.801.000	-
- Công trình XDHTKT khu dân cư TTHC Phố Hoa, xã Bắc Lý, Hiệp Hoà, Bắc Giang	6.555.721.000	-
- Khác	4.763.697.311	26.483.907.405
Cộng	19.846.126.481	37.395.361.775

V.3 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2018	31/12/2017
Ngắn hạn	1.362.083.126	5.288.933.695
- Ký cược, ký quỹ	396.000.000	-
- Tạm ứng	960.466.628	5.288.933.695
- Phải thu khác ngắn hạn	5.616.498	-
Dài hạn	-	-
Cộng	1.362.083.126	5.288.933.695

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

V.4 HÀNG TỒN KHO

	31/12/2018	31/12/2017
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	7.001.134.134	8.384.987.019
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	19.701.789.157	14.367.463.965
Cộng giá gốc hàng tồn kho	26.702.923.291	22.752.450.984
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		
Cộng giá trị thuần hàng tồn kho	26.702.923.291	22.752.450.984

35-
Y
ĐU
TƯ
NH
T
TP

CÔNG TY CP XÂY DỰNG GIAO THÔNG BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 171, đường Xương Giang, phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

V.5 TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

TT	Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	PT vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
I	Nguyên giá					
1	Tại ngày 31/12/2017	3.543.053.088	5.863.264.308	2.508.431.491	-	11.914.748.887
2	Tăng trong năm	-	-	-	-	-
3	Giảm trong năm	-	-	-	-	-
	Thanh lý, nhượng bán					
	Giảm khác					
4	Tại ngày 31/12/2018	3.543.053.088	5.863.264.308	2.508.431.491	-	11.914.748.887
II	Hao mòn lũy kế					
1	Tại ngày 31/12/2017	624.027.335	3.490.848.421	1.304.013.426		5.418.889.182
2	Tăng trong năm	85.231.213	485.794.832	225.374.850	-	796.400.895
	Trích khấu hao	85.231.213	485.794.832	225.374.850		796.400.895
3	Giảm trong năm	-	-	-	-	-
	Thanh lý, nhượng bán					
	Giảm khác					
4	Tại ngày 31/12/2018	709.258.548	3.976.643.253	1.529.388.276	-	6.215.290.077
III	Giá trị còn lại					
1	Tại ngày 31/12/2017	2.919.025.753	2.372.415.887	1.204.418.065	-	6.495.859.705
2	Tại ngày 31/12/2018	2.833.794.540	1.886.621.055	979.043.215	-	5.699.458.810

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

V.6 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2018	31/12/2017
Phải trả người bán ngắn hạn	9.538.915.958	20.334.926.647
Công ty cổ phần CLEVER	348.379.670	554.612.170
Công ty Cổ phần bê tông Hà Thanh	1.206.206.797	2.574.920.300
Công Ty TNHH Mong Hoan	506.288.000	-
Công ty TNHH MTV Phụng Hoàng	3.104.382.910	4.153.113.910
Công ty CP TV ĐTXD và TM Quyết Thắng	380.369.019	380.369.019
Công ty CP xây dựng Trường Sơn Việt Nam	709.546.800	1.968.516.800
Công ty TNHH MTV XD và vận tải Sơn Hà	313.727.500	-
Công ty CPXD công nghiệp BG	499.500.000	499.500.000
Khác	2.470.515.262	13.333.426.918
Cộng	9.538.915.958	20.334.926.647

V.7 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/12/2018	31/12/2017
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	50.918.215	1.050.918.213
Công trình 279	40.534.759	40.534.759
Công trình QL31 Lục Ngạn	7.162.833	7.162.833
Công trình An Khánh	-	1.000.000.000
Khác	3.220.623	3.220.621
Cộng	50.918.215	1.050.918.213

V.8 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải trả 31/12/2017	Số phải nộp	Số đã nộp	Số phải trả 31/12/2018
	VND	VND	VND	VND
Thuế	1.895.963.400	3.943.155.498	3.925.871.396	1.913.247.502
Thuế giá trị gia tăng	1.408.546.464	3.688.827.913	3.424.674.964	1.672.699.413
Thuế thu nhập doanh nghiệp	223.343.321	58.413.201	144.812.008	136.944.514
Thuế thu nhập cá nhân	67.023.790	56.778.559	97.958.424	25.843.925
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	197.049.825	139.135.825	258.426.000	77.759.650
Các khoản phải nộp khác	1.757.422	5.852.874	2.000.000	5.610.296
Các khoản phí, lệ phí	-	2.000.000	2.000.000	-
Các khoản khác	1.757.422	3.852.874	-	5.610.296
Cộng	1.897.720.822	3.949.008.372	3.927.871.396	1.918.857.798

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

V.9 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	31/12/2018		31/12/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	37.314.596.441	37.314.596.441	36.348.385.884	36.348.385.884
- Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam	3.732.047.900	3.732.047.900	6.834.310.800	6.834.310.800
- Vietcombank	14.999.424.631	14.999.424.631	6.990.538.564	6.990.538.564
- Ngân hàng Bưu điện Liên Việt	1.718.260.110	1.718.260.110	4.941.183.120	4.941.183.120
- Vay cá nhân	15.755.503.800	15.755.503.800	16.472.993.400	16.472.993.400
- Nhập lãi gốc	1.109.360.000	1.109.360.000	1.109.360.000	1.109.360.000
Vay dài hạn	2.694.935.200	2.694.935.200	600.000.000	600.000.000
- Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam	-	-	600.000.000	600.000.000
- Vay cá nhân	2.694.935.200	2.694.935.200	-	-
Cộng	40.009.531.641	40.009.531.641	36.948.385.884	36.948.385.884

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

V.10 VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Nội dung	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Tại ngày 31/12/2017	4.238.000.000	1.439.521.183	(30.000.000)	743.867.675	35.308.269	-	6.426.697.127
Tăng trong năm	522.000.000	-	-	34.855.900	3.950.300	259.872.820	820.679.020
- Tăng vốn trong năm	522.000.000	-	-	-	-	-	522.000.000
- Lãi trong năm	-	-	-	34.855.900	3.950.300	259.872.820	259.872.820
- Tăng khác	-	-	-	(743.867.675)	-	(259.872.820)	(1.720.894.003)
Giảm trong năm	-	(695.653.508)	(21.500.000)	(743.867.675)	-	(27.500.000)	(717.153.508)
- Giảm vốn trong năm	-	(695.653.508)	(21.500.000)	-	-	(48.484.500)	(48.484.500)
- Sử dụng	-	-	-	(743.867.675)	-	(183.888.320)	(183.888.320)
- Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-	-
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2017	4.760.000.000	743.867.675	(51.500.000)	34.855.900	39.258.569	-	5.526.482.144
Tăng trong năm	-	-	-	16.964.300	1.922.600	113.095.432	131.982.332
- Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm	-	-	-	16.964.300	1.922.600	113.095.432	18.886.900
- Tăng khác	-	-	-	-	-	(113.095.432)	(1.408.825.432)
Giảm trong năm	(1.299.730.000)	-	4.000.000	-	-	-	(1.295.730.000)
- Giảm vốn trong năm	(1.299.730.000)	-	4.000.000	-	-	-	-
- Lỗ trong năm	-	-	-	-	-	(4.710.400)	(4.710.400)
- Sử dụng	-	-	-	-	-	(18.886.900)	(18.886.900)
- Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	(89.498.132)	(89.498.132)
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2018	3.460.270.000	743.867.675	(47.500.000)	51.820.200	41.181.169	-	4.249.639.044

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

Cổ đông	31/12/2018		31/12/2017	
	Giá trị	Tỷ lệ %	Giá trị	Tỷ lệ %
Vốn đầu tư của Nhà nước	1.968.670.000	56,89%	1.968.670.000	41,36%
Vốn góp (cổ đông, thành viên)	1.491.600.000	43,11%	2.791.330.000	58,64%
TỔNG CỘNG	3.460.270.000	100%	4.760.000.000	100%

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2018	Năm 2017
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	4.760.000.000	4.238.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	522.000.000
- Vốn góp giảm trong năm	1.299.730.000	-
- Vốn góp cuối năm	3.460.270.000	4.760.000.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

VI.1 DOANH THU THUẦN VỀ HÀNG HÓA VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2018	Năm 2017
Doanh thu	36.773.797.323	50.242.600.701
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.929.882.776	2.604.232.183
- Doanh thu công trình xây dựng	34.843.914.547	47.638.368.518
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	36.773.797.323	50.242.600.701

VI.2 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2018	Năm 2017
Giá vốn của công trình	29.261.672.360	42.646.607.456
Cộng	29.261.672.360	42.646.607.456

VI.3 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2018	Năm 2017
Lãi tiền vay	3.260.388.150	2.822.535.594
Cộng	3.260.388.150	2.822.535.594

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

VI.4 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2018	Năm 2017
Chi phí nhân viên quản lý	2.055.156.300	2.190.686.938
Chi phí vật liệu quản lý	-	9.235.032
Chi phí đồ dùng văn phòng	48.205.435	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	310.606.063	312.025.778
Thuế, phí và lệ phí	149.664.830	136.991.155
Chi phí dự phòng		50.183.138
Chi phí dịch vụ mua ngoài	907.618.328	277.776.133
Chi khác bằng tiền	528.461.900	1.331.676.006
Cộng	3.999.712.856	4.308.574.180

VI.5 CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2018	Năm 2017
Các khoản bị phạt	87.834.616	
Chi phí khác	3.639.433	119.788.920
Cộng	91.474.049	119.788.920

VI.6 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) với thuế suất bằng 20 % thu nhập tính thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

a. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Năm 2018	Năm 2017
Lợi nhuận kế toán trước thuế	161.472.006	301.225.150
Điều chỉnh các khoản tăng (giảm) lợi nhuận	80.410.866	136.310.408
Các khoản điều chỉnh tăng	80.410.866	136.310.408
- Các khoản phạt	80.410.866	136.310.408
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận (lỗ) điều chỉnh trước thuế chưa cân trừ lỗ năm trước	241.882.872	437.535.558
Lỗ tính thuế năm trước chuyển sang		
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	241.882.872	437.535.558
Thuế suất	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính năm hiện hành	48.376.574	87.507.112
Điều chỉnh thuế TNDN năm trước	10.036.627	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm	58.413.201	87.507.112
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả đầu năm	223.343.321	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã trả trong năm	144.812.008	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả cuối năm	136.944.514	87.507.112

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC**VII.1 CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KHÓA SỔ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Sau ngày khóa sổ kế toán 31/12/2018, UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Công văn số 86/UBND-KT ngày 26/4/2019 về việc thay đổi cơ cấu vốn điều lệ của Công ty cổ phần Xây dựng Giao thông Bắc Giang: Chấp thuận việc công ty phát hành tăng vốn điều lệ theo phương án cổ phần hoá được phê duyệt tại Quyết định số 2734/QĐ-CT ngày 12/12/2002 với số vốn điều lệ của Doanh nghiệp là 3.460.270.000; tỷ lệ vốn nắm giữ của Nhà nước là 56,89% vốn điều lệ và không chấp thuận việc phát hành tăng vốn điều lệ giai đoạn 2015 – 2018.

VII.2 THÔNG TIN VỀ TÍNH HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giả định là doanh nghiệp đang hoạt động liên tục và sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần. Tính đến thời điểm phát hành Báo cáo tài chính này, không có sự kiện hay dấu hiệu nào ảnh hưởng đến tính hoạt động liên tục của Công ty.

VII.3 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tài chính Châu Á.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

VII.4 PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được Giám đốc phê duyệt để phát hành vào Ngày 05 tháng 6 năm 2019.



Nguyễn Thị Thùy Linh
Người lập biểu

Ngày 05 tháng 6 năm 2019



Nguyễn Thị Thùy Linh
Phụ trách kế toán



Nguyễn Xuân Tranh
Giám đốc



CHỦ TỊCH
Nguyễn Hải Yến



